**Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

*Đơn vị tính:.............*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Năm nay | Năm trước |
| ***1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***a) Doanh thu- Doanh thu bán hàng;- Doanh thu cung cấp dịch vụ; | ......... | ......... |
| - Doanh thu hợp đồng xây dựng+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ;+ Tổng doanh thu luỹ kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập Báo cáo tài chính; | ... | ... |
| ***Cộng*** |  |  |
| b) Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng)c) Trường hợp ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản là tổng số tiền nhận trước, doanh nghiệp phải thuyết minh thêm để so sánh sự khác biệt giữa việc ghi nhận doanh thu theo phương pháp phân bổ dần theo thời gian cho thuê; Khả năng suy giảm lợi nhuận và luồng tiền trong tương lai do đã ghi nhận doanh thu đối với toàn bộ số tiền nhận trước |  |  |
| ***2. Các khoản giảm trừ doanh thu***  Trong đó:- Chiết khấu thương mại;- Giảm giá hàng bán;- Hàng bán bị trả lại; | ............ | ............ |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***3. Giá vốn hàng bán*** | Năm nay | Năm trước |
| - Giá vốn của hàng hóa đã bán;- Giá vốn của thành phẩm đã bán;Trong đó: Giá vốn trích trước của hàng hoá bất động sản bao gồm:+ Hạng mục chi phí trích trước;+ Giá trị trích trước vào chi phí của từng hạng mục;+ Thời gian chi phí dự kiến phát sinh.- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp;- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư;- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư;- Giá trị hàng tồn kho mất mát trong kỳ;- Giá trị từng loại hàng tồn kho hao hụt ngoài định mức trong kỳ;- Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn;- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán. | ............................................. | ............................................. |
|  **Cộng** | **...** | **...** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***4. Doanh thu hoạt động tài chính***  | Năm nay | Năm trước |
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay- Lãi bán các khoản đầu tư;- Cổ tức, lợi nhuận được chia;- Lãi chênh lệch tỷ giá;- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán;- Doanh thu hoạt động tài chính khác. **Cộng** | ..................**...** | ..................**...** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***5. Chi phí tài chính***  | Năm nay | Năm trước |
| - Lãi tiền vay;- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm; - Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính;- Lỗ chênh lệch tỷ giá;- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư;- Chi phí tài chính khác.- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính | .................. | .................. |
|  **Cộng** | **...** | **...** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***6. Thu nhập khác***  | Năm nay | Năm trước |
| - Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;- Lãi do đánh giá lại tài sản;- Tiền phạt thu được;- Thuế được giảm;- Các khoản khác. | ............... | ............... |
|  **Cộng** | **...** | **...** |
| ***7. Chi phí khác***  | Năm nay | Năm trước |
| - Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;- Lỗ do đánh giá lại tài sản;- Các khoản bị phạt;- Các khoản khác. | ............ | ............ |
|  **Cộng** | **...** | **...** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  ***8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp***  | Năm nay | Năm trước |
| a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí QLDN;- Các khoản chi phí QLDN khác.b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tỏng chi phí bán hàng;- Các khoản chi phí bán hàng khác.c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa;- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác;- Các khoản ghi giảm khác |  |  |
| ***9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố*** |  |  |
|  - Chi phí nguyên liệu, vật liệu; - Chi phí nhân công; - Chi phí khấu hao tài sản cố định; - Chi phí dịch vụ mua ngoài; - Chi phí khác bằng tiền. | ............... | ............... |
|  **Cộng** | **...** | **...** |

 Ghi chú: Chỉ tiêu “Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố” là các chi phí phát sinh trong kỳ được phản ánh trong Bảng Cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh.

 - Đối với các doanh nghiệp sản xuất, việc thuyết minh chi phí theo yếu tố được căn cứ vào số phát sinh trên các tài khoản sau:

 + Tài khoản 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp;

 + Tài khoản 622 – Chi phí nhân công trực tiếp;

 + Tài khoản 623 – Chi phí sử dụng máy thi công;

 + Tài khoản 627 – Chi phí sản xuất chung;

 + Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng;

 + Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

 - Đối với các doanh nghiệp thương mại, việc thuyết minh chi phí theo yếu tố được căn cứ vào số phát sinh trên các tài khoản sau (không bao gồm giá mua hàng hóa):

 + Tài khoản 156 – Hàng hóa;

 + Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán;

 + Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng;

 + Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp có quyền lựa chọn căn cứ khác nhưng phải đảm bảo thuyết minh đầy đủ chi phí theo yếu tố.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***  | Năm nay | Năm trước |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | … | … |
| - Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | … | … |
| - Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  | … | … |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*** | Năm nay | Năm trước |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế; | … | … |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại; | … | … |
| - Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ; | (…) | (…) |
| - Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng; | (…) | (…) |
| - Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả; | (…) | (…) |
| - Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. | … | … |